

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2024

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Long C, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị T1 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T1 kết hôn với anh Trương Văn T2 tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam, sau đó được hai gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhà với mẹ chồng là bà Trần Thị M tại xóm 7 (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó bắt đầu phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do Anh T2 đi làm ăn, buôn bán thịt lợn, bị thua lỗ nên về nhà kiểm cố, chửi vợ con, và đánh chị nhiều lần. Anh T2 tính tình nóng nảy, việc gì không vừa ý là chửi đánh chị, có lần Anh T2 cầm điện thoại ném vào mặt chị ngay tại nhà bố mẹ đẻ chị, làm chị bị rách mí mắt, phải đi khâu nhiều mũi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, căng thẳng nhưng được gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nên chị vẫn tiếp tục chung sống với Anh T2. Đến khoảng cuối năm 2022, vợ chồng chị cùng nhau ra thành phố Hải Phòng thuê nhà sinh sống và đi làm công ty, nhưng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì Anh T2 tính tình nóng nảy, vì nhiều chuyện nhỏ nhặt mà gây sự, chửi, đánh chị nếu chị làm trái ý Anh T2. Vì vậy, đầu năm 2023, chị thấy không thể tiếp tục chung sống với Anh T2 được nữa nên đã ly thân với Anh T2 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Trương Văn T2.

- *Về con chung*: Chị T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Quang K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Trương Quang H, sinh ngày 13/8/2012, hiện nay các cháu đều do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu vợ chồng ly hôn: Chị T1 đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu Anh T2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành làm việc, lấy lời khai của bị đơn anh Trương Văn T2 tại nơi cư trú của Anh T2 nhưng Anh T2 từ chối khai báo, không có ý kiến gì về việc chị T1 khởi kiện đề nghị ly hôn với anh cũng như việc nuôi dưỡng con chung và các vấn đề khác.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng Anh T2 vắng mặt không có lý do; Chị T1 có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

** Tại phiên toà:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa Chị T1 và Anh T2 theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao các cháu Trương Quang K, sinh ngày 22/10/2007 và Trương Quang H, sinh ngày 13/8/2012 cho Chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, Anh

T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T1. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn: Chị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trương Văn T2 không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng; chị Trương Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T1 kết hôn với anh Trương Văn T2 là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo Chị T1 trình bày, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày do Anh T2 nóng tính, Chị T1 làm việc gì không vừa ý là Anh T2 chửi đánh chị, có lần Anh T2 cầm điện thoại ném vào mặt chị ngay tại nhà bố mẹ đẻ chị, làm chị bị rách mí mắt, phải đi khâu nhiều mũi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, căng thẳng nhưng được hai gia đình chị động viên, khuyên bảo nên chị vẫn tiếp tục chung sống với Anh T2. Đến khoảng cuối năm 2022, vợ chồng cùng nhau ra thành phố Hải Phòng thuê nhà sinh sống và đi làm công ty, nhưng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì Anh T2 tính tình nóng nảy, vì nhiều chuyện nhỏ nhặt mà gây sự, chửi, đánh chị nếu làm trái ý Anh T2. Vì vậy, đầu năm 2023, chị thấy không thể tiếp tục chung sống với Anh T2 được nữa nên sống ly thân với Anh T2 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Trương Văn T2.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu tập tài liệu, chứng cứ; xác minh tại địa phương xã X, huyện L, xác định vợ chồng Anh T2 và Chị T1 xảy mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nguyên nhân do Anh T2 ham chơi cờ bạc, làm ăn thua lỗ nên về nhà bực tức chửi, đánh vợ nhiều lần nên mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, tình cảm rạn nứt, Chị T1 đã ly thân với Anh T2 cuối năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Anh T2 không đến Tòa án làm việc, từ chối khai báo, không tham gia hoà giải.

Từ những căn cứ nêu trên, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của Chị T1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T1 và Anh T2 có 02 con chung là cháu Trương Quang K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Trương Quang H, sinh ngày 13/8/2012, hiện nay các cháu đều do Chị T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T2 không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng nuôi dưỡng các con chung của Chị T1 là chính đáng, phù hợp với thực tế và điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của các cháu hiện nay. Cháu K và cháu H đang do Chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với Chị T1.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định việc nuôi dưỡng các con chung của vợ chồng, Chị T1 đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, Anh T2 không đến Toà án làm việc, từ chối khai báo, không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Chị T1 đang làm nhân viên chạy lệnh của công ty TNHH dịch vụ vận tải D, thu nhập bình quân 8.190.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng 02 con chung như yêu cầu của Chị T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung của vợ chồng là cháu K và cháu H cho Chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T1 không yêu cầu Anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trương Thị T1 và anh Trương Văn T2.

2. Về con chung: Giao chị Trương Thị T1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Quang K, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Trương Quang H, sinh ngày 13/8/2012 cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trương Thị T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T1 đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001189 ngày 06 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã X;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thành Nam